TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-DS	*K, ngày 15 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07/6/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số: 05/2023/TLST-KDTM ngày 10/4/2023. Về việc "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***1.1. Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP C.**

Địa chỉ: A - Quận H1 - TP. H2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Ngọc A1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Tuấn C1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Tiến C2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Đinh Thái L - Chức vụ: Trưởng Phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Phạm Duy N - Chức vụ: Trưởng Phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Duy Đ - Chức vụ: Trưởng Phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên.

- Ông Đinh Xuân T1 - Chức vụ: Phó phòng giao dịch P.

- Bà Phạm Thị Thái H3 - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch T2.

- Bà Trần Thị L1 - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch K1.

1.2. Bị đơn: Bà Trần Thị N1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: D, thị trấn K, huyện K, tỉnh H.

***1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

- Chị Phạm Thị X, sinh năm 1984; HKTT: Khu phố T3, thị trấn K, huyện K, tỉnh H; Hiện ở địa chỉ: Số E, khu phố T4, thị trấn K, huyện K, tỉnh H.

- Ông Phạm Bá N2, sinh năm 1960; Địa chỉ: D, thị trấn K, huyện K, tỉnh H.

1.4. Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Bá N2: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1984; HKTT: Khu phố T3, thị trấn K, huyện K, tỉnh H; Hiện ở địa chỉ: Số E, khu phố T4, thị trấn K, huyện K, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về công nợ: Tính đến ngày 07/6/2023 (dương lịch), bà Trần Thị N1 còn nợ Ngân hàng TMCP C (VIETINBANK) các khoản như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 3017420760/2021-HĐCVHM/NHCT342 ngày 04/02/2021: Nợ gốc là 500.000.000đ; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 07/6/2023 là 46.497.949đ; Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/6/2023 là 24.911.752đ. Tổng nợ gốc, lãi 571.409.701đ (Năm trăm bẩy mươi một triệu bốn trăm lẻ chín nghìn bẩy trăm linh một đồng).

2.2. Phương án trả nợ: Bà Trần Thị N1 phải có trách nhiệm trả hết toàn bộ nợ gốc, cùng nợ lãi cho Ngân hàng TMCP C (Vietinbank) theo phương án cụ thể như sau:

- Lần 1: Chậm nhất là đến ngày 07/7/2023 (dương lịch) bà N1 phải trả số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

- Lần 2: Chậm nhất là đến ngày 07/8/2023 (dương lịch) bà N1 phải trả số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Lần 3: Chậm nhất là đến ngày 07/9/2023 (dương lịch) bà N1 phải tất toán, trả nốt toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại là 271.409.701đ và lãi phát sinh kể ngày 07/6/2023 trên số tiền nợ gốc cho đến khi bà Trần Thị N1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trần Thị N1 vi phạm phương án, thời hạn trả nợ một trong các lần như đã thỏa thuận trên thì đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền trên đất: Thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 05; Vị trí thửa đất thuộc: Xóm H4, thôn H5, xã T6, huyện K, tỉnh H. Thửa đất trên đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phạm Thị X vào ngày 21/6/2006 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 3017420760/2019 ngày 12/9/2019 và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đoàn Thị Tuyết L3 - thành phố H, tỉnh H. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì bà Trần Thị N1 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ phần còn lại cho đến khi thanh toán xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn ông Phạm Văn T4 và bị đơn bà Trần Thị N1 thống nhất bên bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể như sau:

- Nguyên đơn (Ngân hàng TMCP C) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 13.000.000đ tạm ứng án phí mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện K theo biên lai thu số 0008213 ngày 10/4/2023.

- Bị đơn bà Trần Thị N1 phải chịu 13.428.194đ *(Mười ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn một trăm chín mươi tư đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- TAND tỉnh H.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Tiến Tr